TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10.10.2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Bình và bà Huỳnh Thị Lệ**

- Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà: **Ông Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06.9.2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HN ngày 23.9.2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H- Sinh năm 1990. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn L - Sinh năm 1985. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do

Cùng trú tại: tổ 66, phường HKB, quận L, Tp Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn L kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường HKB, quận L, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về sống tại tổ 66, phường HKB, quận L, TP. Nẵng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã, ông Nguyễn L có quan hệ với người phụ nữ khác và chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn L.

+ Về con chung: Tôi xác nhận tôi và ông L có 01 con chung tên là Nguyễn Phan Hoài T, sinh ngày 21.8.2014. Ly hôn tôi xin nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác nhận không có.

*** Bị đơn là ông Nguyễn L** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Phan Thị H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn ông Nguyễn L không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: Xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà H và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẫn vợ chồng đã được UBND phường HKB xác nhận nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về con chung có 01 con chung Nguyễn Phan Hoài T- sinh ngày 21.8.2014. Ly hôn bà H xin nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà H là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, con chung còn nhỏ nên đề nghị HĐXX giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật HN&GĐ.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà H không yêu cầu nên không xem xét .

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa bà Phan Thị H và ông Nguyễn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 23.9.2019 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn là ông Nguyễn L, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt ông L.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H và ông Nguyễn L thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị H và ông Nguyễn L kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND phường HKB, quận L, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Trong thời gian chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn L.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn là ông Nguyễn L mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Theo đơn xác minh tại UBND phường HKB, quận L, Tp Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông L có quan hệ tình cảm với người khác và thường xuyên vắng mặt tại nhà nên bà H một mình bà H nuôi con chung, mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương can thiệp nhưng vẫn không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: bà H khai nhận bà và ông L có 01 con chung là Nguyễn Phan Hoài T, sinh ngày 21.8.2014. Ly hôn bà H xin nuôi con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy việc giao con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ khi bà H và ông L không còn chung sống với nhau thì con chung được bà H nuôi dưỡng và chăm sóc, bản thân bà H cũng có công việc và thu nhập ổn định, hơn nữa con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, HĐXX xét thấy việc giao cháu Nguyễn Phan Hoài T cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81,82,83 Luật HNGĐ.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: bà H khai nhận không có

Nếu sau này bà H và ông L có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng bà H phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phan Thị H đối với ông Nguyễn L.

Tuyên xử: bà Phan Thị H, sinh năm 1990, được ly hôn với ông Nguyễn L, sinh năm 1985.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2014, quyển số 08/2013 cấp ngày 17.02.2014 của UBND phường HKB, quận L, TP Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Tuyên: Giao con chung là Nguyễn Phan Hoài T- sinh ngày 21.8.2014 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. ***Về tài sản chung, nợ chung***: Bà H khai nhận không có

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Phan Thị H phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số **0006317** ngày 26.7.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án Liên Chiểu;
- UBND p HKB, q Liên Chiểu, TPĐN
-Sở Tư pháp
-Hồ sơ vụ án

Phạm Thanh Thủy